TÒA ÁN NHÂN DÂN H.HÒA VANG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số **28/2019**/HSST
Ngày **19/6/2019**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hồng Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Trúc Linh

Ông Trần Sỹ

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Mai Sương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 19/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 29/2019/TLST-HS ngày 18/5//2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-HS ngày 04/6//2019 đối với các bị cáo:

1. **HUỲNH NGỌC L**; Sinh ngày: 20/01/1995 tại Đà Nẵng. HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã P, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Giới tính: nam; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Con ông: L1, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1977. Vợ: Lê Thị Tường V, sinh năm 1995; Con: Huỳnh Lê Ngọc H, sinh năm 2018.

Nhân thân: Ngày 30/10/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang xử phạt 03 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Tiền sự: Ngày 07/3/2018 bị UBND huyện Hòa Vang xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng theo quyết định số 1596/QĐ-XPVPHC.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. MẠC VĂN K, sinh ngày: 20/9/1996 tại Đà Nẵng. HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã P, huyện V, thành phố Đà Nẵng; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không. Con ông: Không xác định và bà: Mạc Thị H, sinh năm 1969.

Tiền án, tiền sự: không

Nhân thân: Ngày 14/5/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang xử phạt 3 năm 6 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*

Bị cáo đang bị tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

3. NGUYỄN PHẠM NGỌC H, (Tên gọi khác Đ); Sinh ngày 14/8/2000 tại Đà Nẵng. HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn S, xã K, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo:

Không. Con ông: Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1968 và bà: Phạm Thị L, sinh năm 1970.

<u>Tiền án, tiền sự:</u> không

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa

Người bị hại: NBH sinh năm: 1995. Trú tại: Thôn H, xã K, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- NLQ1, sinh năm: 1973. Trú tại: Thôn H, xã K, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

- NLQ2, sinh năm 1974. Trú tại: Thôn H, xã K, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do trước đó NBH nhiều lần đánh bi da ăn thua bằng tiền với L và bị thua tổng số tiền 5.000.000 đồng nhưng chậm trả nên vào khoảng 21 giờ ngày 10/12/2018, khi biết NBH đang nhậu tại quán T ở thôn P, xã N, huyện V, thành phố Đà Nẵng nên L rủ H đi ra quán T gặp NBH đòi nợ thì H đồng ý. Sau đó, L và H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 53S4-52758 chạy đến quán nhậu T, phát hiện NBH đang ngồi nhậu trong quán thì L liền gọi NBH ra nói chuyện, khi NBH đi ra đến vị trí của L đứng thì L liền nói với NBH trả tiền cho L, NBH trả lời chưa có tiền thì liền bị L dùng tay đấm vào mặt 02 cái, đồng thời dùng thiết bị bắn điện mang theo chích vào người của NBH rồi tiếp tục yêu cầu NBH trả nợ. Do không có tiền trả nên NBH đi lên vị trí trên đường Quốc lộ 14B gọi điện cho người thân với mục đích đem tiền tới trả nhưng không được. Tiếp đó, NBH đã gọi điện cho mẹ ruột của mình là NLQ1 đến trả tiền, cùng lúc này L gọi điện cho K, rủ K đến cùng L để chơi thì K đồng ý nên L bảo H điều khiển xe 53S4-52758 đi chở K đến. Khi H và K quay lại vị trí của L được 05 phút thì L đưa thiết bị bắn điện cho K cất giữ. Khoảng 10 phút sau đó kể từ lúc NBH gọi điện thì NLQ1 đến gặp L, thấy NBH bị đánh sưng mặt nên NLQ1 hỏi NBH có chuyện chi thì NBH trả lời *"Con nợ tiền hắn không trả nên hắn đánh con"*, NLQ1 nói với NBH lên xe chở về thì L liền bảo K đem thiết bị bắn điện lại cho L, còn NBH thì trả lời *"Con nợ tiền hắn, hắn đánh con và dùng súng điện đòi bắn con"*. Nghe NBH nói vậy thì L liền xông vào, dùng tay phải dọa đánh vào mặt NBH, tay trái cầm thiết bị bắn điện dọa chích vào người NBH. NLQ1 thấy vậy thì liền vào can ngăn và hỏi L là NBH nợ L bao nhiêu tiền thì L trả lời là nợ 5.000.000 đồng, NLQ1 nói lại *"Mi đi về đi, mai tao trả tiền"*, L trả lời *"Có tiền mới về"*. Cùng lúc này, K đã rút chìa khóa xe của NLQ1 đưa cho L với mục đích là không cho NLQ1 và NBH bỏ về mà không trả tiền cho L, L hỏi chìa khóa xe của ai thì K trả lời *"Chìa khóa xe của NLQ1"*, nghe vậy L liền vứt chìa khóa xe này xuống đường. Sợ con trai mình bị đánh tiếp nên NLQ1 nói với L về nhà chị lấy tiền thì L đồng ý. Tiếp đó, L bảo K nhặt chìa khóa xe lên đưa cho NLQ1, NLQ1 điều khiển xe chở NBH, còn H thì điều khiển xe chở L và K chạy theo về nhà NLQ1. Khi về đến nhà thì NLQ1 đưa NBH số tiền 3.000.000 đồng để NBH trả cho L và hẹn hôm sau sẽ trả tiếp.

Đối với hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh bida ăn thua bằng tiền giữa bị can L và bị hại NBH: Quá trình điều tra xác định giữa L và NBH đã có thời gian đánh bi da ăn thua bằng tiền nhưng quy đổi thành nước uống, mỗi lần đánh thì NBH thua và nợ L số tiền vài trăm ngàn đồng. Trong khoảng thời gian từ tháng 08/2018 đến tháng 9/2018, giữa L và NBH đã đánh bi da với nhau khoảng 10 lần và tổng số tiền mà NBH thua L và nợ L là 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, do chỉ có lời khai giữa L và NBH mà không có chứng cứ khác bổ trợ nên Cơ quan điều tra không đủ cơ sở xử lý hành vi này đối với L và NBH là có cơ sở**.**

Tại bản cáo trạng số 32/CT-VKSHV ngày 07/5//2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang truy tố các bị cáo L, K và H về tội *"Cưỡng đoạt tài sản"* theo khoản 1 Điều 170 BLHS.

Tại phiên tòa, người bị hại và người có quyền lợi liên quan thống nhất với tội danh của Viện kiểm sát đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang thực hành quyền công tố, trình bày luận tội: Giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử về tội danh: Tuyên bố các bị cáo L, K và H phạm tội: *"Cưỡng đoạt tài sản"*

- Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự. *Xử phạt:* Bị cáo L từ 09 đến 12 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự. *Xử phạt:* Bị cáo K từ 06 đến 09 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. *Xử phạt:* Bị cáo H từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận bồi thường số tiền 900.000 đồng của các bị cáo nên không có yêu cầu gì thêm.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo rất ân hận về hành vi mà mình đã thực hiện. Các bị cáo không có ý kiến gì và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để sớm trở về làm ăn lương thiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện:*

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo L, K và H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo không có ý kiến hay khiếu

nại gì. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, tang vật thu giữ trong vụ án và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có tại hồ sơ vụ án. Do đó HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Do NBH trước đó đánh bi da thua tiền và nợ số tiền 5.000.000 đồng cộng dồn nhưng chậm trả nên vào khoảng 21 giờ 00 ngày 10/12/2018, L điện thoại gọi H cùng đến quán nhậu T để gặp NBH với mục đích đòi tiền, L điện thoại và bảo H cùng đến tại khu vực trên cầu Túy Loan thuộc thôn P, xã N, huyện V, thành phố Đà Nẵng. L đã dùng tay đánh, dùng thiết bị bắn điện chích và đe dọa buộc NBH phải trả nợ số tiền 5.000.000 đồng. Thấy con trai của mình bị đánh và sợ bị đánh nên NLQ1 là mẹ ruột của NBH cùng L, K, H về nhà NLQ1 đã đưa cho NBH 3.000.000 đồng để NBH trả cho L. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang truy tố các bị cáo L, K và H về tội *"Cưỡng đoạt tài sản"* theo khoản 1 Điều 170 BLHS là hoàn toàn có căn cứ đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật. Hành vi đó không những đã trực tiếp xâm phạm đến đến quyền sở hữu về tài sản của công dân mà còn gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh tại địa phương. Vì vậy cần phải xử lý hình phạt tương xứng với hành vi của các bị cáo thì mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

Xét vai trò và các tình tiết tặng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo trong vụ án, thấy rằng: Các bị cáo phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn. Bị cáo L là người trực tiếp điện thoại gọi H đi xe mô tô đến quán nhậu T gọi NBH ra ngoài nói chuyện và yêu cầu NBH trả nợ do trước đó có nợ tiền của bị cáo với số tiền 5.000.000 đồng, sau khi NBH trả lời chưa có tiền trả nên dùng tay tát vào mặt hai cái làm chảy máu mũi và dùng roi điện mang theo gí vào người NBH yêu cầu NBH trả tiền, NBH gọi điện thoại cho NLQ1 là mẹ ruột phải mang tiền đến trả nợ. Sau đó, NBH và NLQ1 cùng L về nhà lấy tiền 3.000.000 đồng để đưa cho L, số tiền còn lại hẹn hôm sau trả tiếp. Bị cáo L có nhân thân xấu, năm 2012 bị Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang xử phạt 03 tháng tù về hành vi trộm cắp và năm 2018 bị UBND huyện Hòa Vang xử lý hành chính phạt tiền. Do đó đối với hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm thì mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung

Đối với K sau khi được L gọi điện thoại đã được H đi xe mô tô của L chở đến khu vực quán nhậu của NBH và thì bị cáo đồng ý. Khi gặp NLQ1 đang đứng giải thích cho L nghe và không được đánh NBH nên đã lại rút chìa khóa xe mô tô của NLQ1 mục đích là để không cho NLQ1 và NBH đi về mà phải trả tiền cho L tại chỗ, L vứt chìa khóa xe sau đó và bảo K nhặt lên đưa cho NLQ1 để chở NBH cùng về nhà lấy tiền để trả cho L. Bị cáo cũng đồng thời là người giúp sức cho bị cáo L thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo được xác định là đồng phạm với vai trò không đáng kể. Bị cáo K cũng có nhân thân xấu bị Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang xử phạt 3 năm 6 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" vào ngày 14/5/2019. Do đó đối với hành vi của bị cáo cũng cần phải xử lý cho thỏa đáng thì mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

Đối với H là người được L gọi điện để cùng tham gia đi đòi nợ và bị cáo cũng đồng ý, L đến nhà chở H đi đến quán nhậu T và biết được L gọi NBH ra đòi tiền và thấy L dùng tay tát NBH hai cái vào mặt làm chảy máu mũi và dí roi điện vào người NBH, trong khi NBH gọi điện thoại cho NLQ1, được L yêu cầu lấy xe mô tô của L về chở K đến bị cáo cũng đồng ý. Hành vi của bị cáo cũng được xác định là đồng phạm với vai trò không đáng kể. Do đó đối với hành vi của bị cáo cũng cần phải xử lý cho thỏa đáng.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội các bị cáo đã bồi thường cho người bị hại. Tại phiên tòa, các bị cáo L và H xác định trong số tiền bồi thường cho NBH có cả bị cáo K và người bị hại cũng thống nhất, đồng thời đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho tất cả các bị cáo và không có yêu cầu gì thêm nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Ngoài ra, bị cáo L còn tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo K có ông ngoại cậu là liệt sỹ và bị cáo H có người thân tham gia cách mạng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo H, Hội đồng xét xử thấy chưa cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà giao bị cáo về địa phương nơi cư trú quản lý giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: NBH đã nhận 900.000 đồng tiền khắc phục hậu quả của các bị cáo, tại phiên tòa người bị hại không có yêu cầu gì nên không đề cập giải quyết.

Về vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô Suzuki loại RCV 120, biển kiểm soát 53S4-527.58 qua điều tra xác định xe có giấy tờ đăng ký hợp lệ. Tuy nhiên khi mua không có giấy tờ mua bán nên cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để xác minh xử lý sau nên HĐXX không đề cập.

Đối với 01 roi điện màu đen, dai khoảng 17 cm còn giá trị sử dụng, tuy nhiên đây là vật nhà nước cấm sử dụng nên thấy cần giao cho Công an huyện Hòa Vang để quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 3.000.000 đồng mà bị cáo L có được do cưỡng đoạt mà có của người bị hại, HĐXX thấy cần truy thu để xung vào công quỹ nhà nước.

Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo L, K và H phạm tội *"Cưỡng đoạt tài sản"*.

Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự. ***Xử phạt:*** L 09 tháng tù. Thời gian thụ hình tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự. ***Xử phạt:*** K 06 tháng tù. Thời gian thụ hình tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: H 06 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, 19/6/2019. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử lý tang vật: Căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS, tuyên:

Tịch thu và giao Công an huyện Hòa Vang 01 roi điện màu đen, dài khoảng 17 cm để quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật *(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/5/2019 giữa Công an huyện Hòa Vang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang).*

Truy thu số tiền 3.0000.000 đồng của bị cáo L để sung vào công quỹ nhà nước.

Án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Bị cáo;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *VKSND thành phố Đà Nẵng;*
- *Tòa án ND thành phố Đà Nẵng;*
- *VKSND h. Hòa Vang;*
- *Công an h. Hòa Vang;*
- *Chi cục THADS h. Hòa Vang;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Vũ Hồng Hải